

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-01-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Phương Anh
- Bà Kim Thị Sà Mết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Ngọc B, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Trang Văn H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà Dương Thị Ngọc B và ông Trang Văn H xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc B trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông H tự nguyện chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2001. Đến năm 2005 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/3/2005. Thời gian đầu, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2010 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà và ông H thường xuyên cãi nhau, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên bà và ông H đã ly thân từ cuối năm 2010 cho đến nay. Nay bà nhận thấy cuộc

sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà xác định, bà và ông H có 03 con chung tên là Trang Chí N, sinh năm 2002; Trang Trí T, sinh năm 2004 và Trang Thị Bảo X, sinh ngày 05/9/2008. Cháu N và cháu T đã trưởng thành, có thể tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện cháu X đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu X và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông H trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2023: Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B do giữa ông với bà B không còn tình cảm vợ chồng, đã sống ly thân hơn mười mấy năm nay. Ông thống nhất với lời trình bày của bà B về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông H, cho bà B và ông H ly hôn; về con chung: Giao con chung tên Trang Thị Bảo X cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Bà B và ông H xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã triệu tập bà Dương Thị Ngọc B và ông Trang Văn H hợp lệ lần nhất nhưng vắng mặt. Bà B và ông H có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông H.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà B khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với bị đơn ông Trang Văn H, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông H hiện đang cư trú tại ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà B và ông H tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2001; đến năm 2005 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/3/2005 nên hôn nhân của bà B và ông H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà B xác định, bà B và ông H thường xuyên cãi nhau và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên bà B và ông H đã ly thân từ cuối năm 2010 đến nay. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2023, ông H xác định đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được hình thành trên nguyên tắc tự nguyện, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Bà B và ông H xác định, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ cuối năm 2010 cho đến nay. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thực tế không thể hàn gắn, đời sống chung giữa bà B và ông H đã không thể tiếp tục duy trì và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B, xử cho bà B được ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Bà B và ông H xác định, bà B và ông H có 03 con chung tên Trang Chí N, sinh năm 2002; Trang Trí T, sinh năm 2004 và Trang Thị Bảo X, sinh ngày 05/9/2008. Đối với cháu N và cháu T đã trưởng thành, có thể tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Khi ly hôn, bà B yêu cầu trực tiếp nuôi cháu X. Xét thấy, cháu X hiện đang sống ổn định với bà B; đồng thời cháu X có nguyện vọng sống cùng bà B nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở giao cháu X cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà B và ông H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình.

[7] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ **Điểm a khoản 1 Điều 24**, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Ngọc B. Cho bà Dương Thị Ngọc B được ly hôn với ông Trang Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Thị Bảo X1, sinh ngày 05/9/2008 cho bà Dương Thị Ngọc B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hiện cháu X1 đang sống cùng với bà B. Ông Trang Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Bà Dương Thị Ngọc B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị Ngọc B và ông Trang Văn H xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Dương Thị Ngọc B phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình. Bà B đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003728 ngày 30/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi nên chuyển thu án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Khanh